

Số: 10/NQ-HĐND

Tiền Giang, ngày 29 tháng 4 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Thông qua Danh mục bổ sung, điều chỉnh công trình, dự án thực hiện năm 2025 phải thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 17**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Danh mục công trình, dự án thực hiện năm 2025 phải thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;

Xét Tờ trình số 186/TTr-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết thông qua Danh mục bổ sung, điều chỉnh công trình, dự án thực hiện năm 2025 phải thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang và Công văn số 3047/UBND-KT ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giải trình ý kiến thẩm tra đối với các dự thảo Nghị quyết; Báo cáo thẩm tra số 143/BC-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bổ sung, điều chỉnh Danh mục công trình, dự án thực hiện năm 2025 phải thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang ban hành kèm theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh, như sau:

1. Tổng số công trình, dự án thuộc nguồn vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh phải thu hồi đất là 16 công trình, dự án với tổng diện tích đất thu hồi là 106,25 ha, trong đó:

- Đất trồng lúa: 19,20 ha;
- Đất rừng sản xuất: 25,62 ha;
- Các loại đất khác: 61,43 ha.

2. Tổng số công trình, dự án thuộc nguồn vốn ngân sách cấp huyện phải thu hồi đất là 08 công trình, dự án với tổng diện tích đất thu hồi là 12,56 ha, trong đó:

- Đất trồng lúa: 7,14 ha;
- Các loại đất khác: 5,42 ha.

3. Tổng số công trình, dự án thuộc nguồn vốn ngoài ngân sách, đầu tư qua ngành phải thu hồi đất là 04 công trình, dự án với tổng diện tích đất thu hồi là 207,78 ha, trong đó:

- Đất trồng lúa: 15,17 ha;
- Các loại đất khác: 192,61 ha.

4. Hủy bỏ 01 công trình, dự án thuộc nguồn vốn ngoài ngân sách, đầu tư qua ngành phải thu hồi đất tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND.

(Đính kèm Phụ lục I, II, III)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang Khóa X, Kỳ họp thứ 17 thông qua ngày 29 tháng 4 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường; Tài chính;
- Kiểm toán nhà nước Khu vực IX;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- VP: ĐDBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- TT. HĐND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND (2b)

CHỦ TỊCH



Châu Thị Mỹ Phương

Phụ lục I
DANH MỤC BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN NĂM 2025 PHẢI THU HỒI ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TIỀN GIANG
(VỐN ĐẦU TƯ CÔNG)

(Kèm theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang)

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện công trình, dự án (cấp xã)	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi đất (ha)	Trong đó				Nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
					Đất lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất	Đất khác		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
A. NHÓM CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH TỈNH, NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG PHÂN BỐ										
I. Thành phố Mỹ Tho (Có 01 công trình, dự án)			0,03	0,03				0,03		
1	Đường tỉnh 864 (Đường dọc sông Tiền)	Xã Tân Mỹ Chánh	0,03	0,03				0,03	Ngân sách Trung ương và Ngân sách tỉnh	
II. Thành phố Gò Công (Có 01 công trình, dự án)			0,45	0,45				0,45		
1	Cầu Nguyễn Huệ, thành phố Gò Công	Các phường: 1,5	0,45	0,45				0,45	Ngân sách tỉnh	Điều chỉnh diện tích thu hồi từ 0,22 ha thành 0,45 ha
III. Thị xã Cai Lậy (Có 07 công trình, dự án)			36,14	25,05	8,85			16,20		
1	Đường huyện 58B (Võ Việt Tân nổi dài)	Các phường, xã: 3, Mỹ Hạnh Trung, Tân Bình	9,93	9,93	0,60			9,33	Ngân sách tỉnh	
2	Đường Cao Đăng Chiếm nổi dài	Các phường: 3, Nhị Mỹ	0,77	0,77	0,20			0,57	Ngân sách tỉnh	
3	Nâng cấp, mở rộng đường Ấp Bắc (đoạn từ cầu Trường Tín đến ĐH 53)	Các phường, xã: 4, Nhị Mỹ, Tân Hội	5,46	3,15	0,55			2,60	Ngân sách tỉnh	
4	Đường Lộ Dây Thép (đoạn thị xã Cai Lậy)	Các xã: Tân Hội, Tân Phú	7,56	3,60	2,54			1,06	Ngân sách tỉnh	
5	Nâng cấp, mở rộng ĐH.53 (đoạn đoạn từ Cầu Vĩ đến ĐH.59)	Các xã: Tân Hội, Mỹ Hạnh Đông	3,93	1,57	0,46			1,11	Ngân sách tỉnh	
6	Đường Bà Thừa - Xã Tân Bình	Các xã: Tân Bình, Bình Phú	4,60	4,60	4,10			0,50	Ngân sách tỉnh	
7	Nâng cấp, mở rộng ĐH.63	Xã Thanh Hòa	3,89	1,43	0,40			1,03	Ngân sách tỉnh	
IV. Huyện Chợ Gạo (Có 04 công trình, dự án)			2,38	1,38				1,38		

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện công trình, dự án (cấp xã)	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi đất (ha)	Trong đó				Nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
					Đất lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất	Đất khác		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Nâng cấp, mở rộng khu mộ Âu Dương Lân	Xã Phú Kiết	0,23	0,13				0,13	Ngân sách tỉnh	
2	Kè Kênh Ngang (đoạn từ cầu Trần Văn Ứng đến cống Ông Văn C), thị trấn Chợ Gạo	Thị trấn Chợ Gạo	0,05	0,05				0,05	Ngân sách tỉnh	
3	Cống rạch Chợ, huyện Chợ Gạo	Xã Hòa Định, thị trấn Chợ Gạo	0,10	0,10				0,10	Ngân sách tỉnh	
4	Trường THPT Trần Văn Hoài	Xã Tân Thuận Bình	2,00	1,10				1,10	Ngân sách tỉnh	
V. Huyện Tân Phước (Có 01 công trình, dự án)			166,84	59,84	10,35		25,62	23,87		
1	Mở rộng Khu bảo tồn sinh thái Đồng Tháp Mười	Xã Thạnh Tân	166,84	59,84	10,35		25,62	23,87	Ngân sách tỉnh	
VI. Huyện Gò Công Đông (Có 01 công trình, dự án)			9,50	9,50				9,50		
1	Đường tỉnh 864 (Đường dọc sông Tiền)	Xã Tân Thành	9,50	9,50				9,50	Ngân sách Trung ương và Ngân sách tỉnh	
VII. Huyện Tân Phú Đông (Có 01 công trình, dự án)			13,74	10,00				10,00		
1	Dự án ĐT.877B (đoạn ngã ba Cây Đông đến đầu Cồn Ngang)	Xã Phú Tân	13,74	10,00				10,00	Ngân sách tỉnh	Điều chỉnh diện tích thu hồi từ 6,3ha thành 10ha
16	Tổng		229,08	106,25	19,20		25,62	61,43		
B. NHÓM CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN										
I. Thành phố Gò Công (Có 01 công trình, dự án)			10,30	10,30	6,04			4,26		
1	Khu tái định cư Bình Đông	Xã Bình Đông	10,30	10,30	6,04			4,26	Ngân sách huyện	Nhà nước đầu tư
II. Huyện Chợ Gạo (Có 02 công trình, dự án)			1,34	0,86				0,86		
1	Trường THCS Tân Bình Thạnh (mở rộng)	Xã Tân Bình Thạnh	0,68	0,20				0,20	Ngân sách huyện	
2	Trường Mầm non Hòa Định	Xã Hòa Định	0,66	0,66				0,66	Ngân sách huyện	
III. Huyện Châu Thành (Có 01 công trình, dự án)			0,11	0,11				0,11		

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện công trình, dự án (cấp xã)	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi đất (ha)	Trong đó				Nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
					Đất lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất	Đất khác		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Công an xã Long Hưng	Xã Long Hưng	0,11	0,11				0,11	Ngân sách huyện	
IV. Huyện Cai Lậy (Có 03 công trình, dự án)			1,25	1,25	1,10			0,15		
1	Đường nối vào trường Mầm non ấp 10, xã Mỹ Thành Nam	Xã Mỹ Thành Nam	0,20	0,20	0,20				Ngân sách huyện	
2	Trường Mầm non Bình Phú (chi bồi thường, hỗ trợ đất đai và các tài sản trên đất)	Thị trấn Bình Phú	0,50	0,50	0,40			0,10	Ngân sách huyện	
3	Trường Mầm non Phú Cường (chi bồi thường, hỗ trợ đất đai và các tài sản trên đất)	Xã Phú Cường	0,55	0,55	0,50			0,05	Ngân sách huyện	
V. Huyện Cái Bè (Có 01 công trình, dự án)			0,04	0,04				0,04		
1	Đường vào khu mộ Lãnh binh Nguyễn Văn Cẩn	Xã Mỹ Lợi A	0,04	0,04				0,04	Ngân sách huyện	
8	Tổng		13,04	12,56	7,14			5,42		
24	TỔNG CỘNG		242,12	118,81	26,34			25,62	66,85	





Phụ lục II
DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN NĂM 2025 PHẢI THU HỒI ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TIỀN GIANG
(VỐN NGOÀI NGÂN SÁCH, ĐẦU TƯ QUA NGÀNH)

(Kèm theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang)

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện công trình, dự án (cấp xã)	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi đất (ha)	Trong đó				Nguồn vốn đầu tư	Hình thức đầu tư	Ghi chú
					Đất lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất	Đất khác			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
I. Thành phố Mỹ Tho (Có 01 công trình, dự án)			185,00	185,00	1,95			183,05			
1	Khu đô thị Đông Bắc, thành phố Mỹ Tho	Xã Đạo Thạnh	185,00	185,00	1,95			183,05	Mời gọi đầu tư	Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư	có trong NQ số 44/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 của HĐND tỉnh
II. Thành phố Gò Công (Có 01 công trình, dự án)			12,03	12,03	8,00			4,03			
1	Công viên nghĩa trang nhân dân thành phố Gò Công	Xã Tân Trung	12,03	12,03	8,00			4,03	Mời gọi đầu tư	Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư	có trong NQ số 44/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 của HĐND tỉnh
III. Huyện Tân Phước (Có 01 công trình, dự án)			1,13	1,13				1,13			
1	Đường dẫn vào Khu công nghiệp Tân Phước 1	Xã Tân Lập 1	1,13	1,13				1,13	Vốn doanh nghiệp		
IV. Huyện Tân Phú Đông (Có 01 công trình, dự án)			9,62	9,62	5,22			4,40			
1	Dự án Khu dân cư Phú Thạnh	Xã Phú Thạnh	9,62	9,62	5,22			4,40	Mời gọi đầu tư	Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư	có trong NQ số 44/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 của HĐND tỉnh
4	TỔNG CỘNG		207,78	207,78	15,17			192,61			



Phụ lục III
HỦY BỎ CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN NĂM 2025 PHẢI THU HỒI ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TIỀN GIANG
(VỐN NGOẠI NGÂN SÁCH, ĐẦU TƯ QUA NGÀNH)

(Kèm theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang)

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện công trình, dự án (cấp xã)	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi đất (ha)	Trong đó				Nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
					Đất lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất	Đất khác		
I. Huyện Cai Lậy (Có 01 công trình, dự án)			18,00	8,00	4,68			3,32		
1	Mở rộng Trạm dừng nghỉ Trung Lương - Mỹ Thuận	Xã Phú Nhuận	18,00	8,00	4,68			3,32	Vốn doanh nghiệp	Không thuộc diện thu hồi đất (nhà đầu tư đã có đất do thỏa thuận nhận chuyển nhượng)
1	TỔNG CỘNG		18,00	8,00	4,68			3,32		